

Số: 13/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 3 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 603/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà xxx/x, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Kim S – Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số nhà xxx/x, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Ông Phan Thanh P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

4. Bà Phan Thị Kim P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

5. Ông Phan Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà xxx/x, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các ông (bà) T, H, P, P và ông C uỷ quyền cho bà Văn Thị L.

6. Bà Phan Thị C, sinh năm 1967 (có mặt)

7. Ông Dương Văn R, sinh năm 1967 (chồng bà Phan Thị C) (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số nhà xxx/x, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ông R uỷ quyền cho bà Phan Thị C.

8. Ông Phan Văn D, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Văn Thị L trình bày:

Bà và ông Phan Văn H được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1980, đến ngày 27/8/1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T. Sau khi đám cưới bà và ông H về sống chung với gia đình cha mẹ ruột của ông H, đến năm 2005 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông H có người phụ nữ khác, ông H đánh đập bà, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn.

- Về hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn H.

- Về con chung: Bà L và ông H có 05 người con gồm Phan Thị T (sinh năm 1980), Phan Văn C (sinh năm 1982), Phan Thị Thu H (sinh năm 1984), Phan Thị Kim P (sinh năm 1986), Phan Thanh P (sinh năm 1988), hiện tất cả các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Phần đất có diện tích 2070m² là loại đất ruộng thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; Vào năm 2009 ông Phan Văn H, ông Phan Văn C đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị C với giá 30.000.000 đồng không đúng quy định của pháp luật, do đất cấp cho hộ gia đình ông Phan Văn H nhưng chỉ có ông H, ông C đứng ra chuyển nhượng cho bà C, hợp đồng chuyển nhượng không có công chứng, chứng thực theo quy định. Bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn H, ông Phan Văn C và bà Phan Thị C vô hiệu; buộc bà C phải trả lại phần đất có diện tích 2070m² là loại đất ruộng thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (qua đo đạc thực tế có diện tích 2028,2m²) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà, vì đất cấp cho hộ gia đình nên bà yêu cầu chia thành 07 phần, phần của ông H là 300m² (thửa 129C) tự ông H quyết định; riêng phần của bà và các con bà là phần đất còn lại có diện tích 1728,2m² (thửa 129) bà không yêu cầu tách riêng ra từng phần, để bà và các con bà thống nhất, thỏa thuận. Bà và các con bà đồng ý trả lại cho bà Phan Thị C số tiền 30.000.000 đồng trước đây bà C đã giao cho ông H, ông C khi mua đất.

Do bà C đã quản lý, canh tác trên phần đất từ năm 2010 đến nay, bà yêu cầu bà Phan Thị C phải bồi thường thiệt hại về hoa lợi phát sinh từ năm 2010 đến năm 2016 với số tiền 14.400.000 đồng (mỗi năm 15 gạ lúa) do hành vi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng quy định của bà C:

Đối với phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phan Văn H, theo đơn khởi kiện bà có yêu cầu chia nhưng nay bà xin rút toàn bộ yêu cầu chia phần đất này, bà và ông H cùng các con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bà Văn Thị L là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông (bà): Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P và Phan Thanh P có yêu cầu độc lập trình bày:*

Phần đất thửa 129, tờ bản đồ số 08 có diện tích 2070m² là cấp cho hộ gia đình; ông H, ông C chuyển nhượng cho bà Phan Thị C là không đúng quy định của pháp luật nên các con bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn H, ông Phan Văn C với bà Phan Thị C vô hiệu; buộc bà C phải trả lại phần đất có diện tích 2070m² là loại đất ruộng thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (qua đo đạc thực tế có diện tích 2028,2m²), vì đất cấp cho hộ gia đình nên yêu cầu chia làm 07 phần, phần của ông H là 300m² (thửa 129C) tự ông H quyết định; riêng phần đất còn lại có diện tích 1728,2m² (thửa 129) không yêu cầu tách riêng ra từng phần, để các con và bà tự thỏa thuận.

Đối với phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Phan Văn H, theo đơn yêu cầu độc lập các con bà có yêu cầu chia, nhưng nay xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P và Phan Thanh P về việc chia phần đất này.

Bà và các con đồng ý với hóa đơn hiện trạng quyền sử dụng đất thửa 129 tờ bản đồ số 08, thị trấn Thạnh Phú của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạnh Phú ngày 16/10/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 09/12/2016.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn H trình bày:*

Về tình trạng hôn nhân, về con chung như bà Văn Thị L trình bày là đúng, do vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý, các con đã thành niên nên ông không có yêu cầu giải quyết.

Phần đất có diện tích 2070m² thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; đất này ông và con ông Phan Thành Chung đã bán cho bà Phan Thị C vào năm 2010 với số tiền 30.000.000 đồng, số tiền bán đất ông đã trả nợ Ngân hàng, vấn đề nợ Ngân hàng bà L có biết rõ do bà L là người đứng tên vay vốn Ngân hàng để nuôi tôm; Khi bán đất cho bà C chỉ có làm hợp đồng nhưng không có công chứng chứng thực, chỉ có ông và ông C đứng ra bán; từ khi bán đất đến nay thì bà Phan Thị C quản lý, canh tác sử dụng đất và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nay bà Văn Thị L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, ông C với bà C, yêu cầu chia phần đất này thành 07 phần, yêu cầu bà C trả 14.400.000 đồng (mỗi năm 15 gia lúa) tiền hoa lợi trên đất từ năm 2010 đến năm 2016 ông không đồng ý và không có yêu cầu gì khác; ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Phan Văn H, ông và bà L cùng các con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ông đồng ý với họa đồ hiện trạng quyền sử dụng đất thửa 129 tờ bản đồ số 08, thị trấn Thanh Phú của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Phú ngày 16/10/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 09/12/2016.

Do ông bận làm ăn xa không có điều kiện tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

**Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày:*

Bà và ông Phan Văn H là anh em ruột với nhau, năm 2010 bà có mua của ông Phan Văn H một phần đất có diện tích 2070m² thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre với giá là 30.000.000 đồng, ông H bán đất cho bà để trả nợ Ngân hàng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có bà và ông H, ông C ký tên trong hợp đồng, hợp đồng không có công chứng, chứng thực, bà đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2010 đến nay; khi mua đất phần đất này là đất ruộng bà đã cải tạo đất để nuôi tôm công nghiệp từ năm 2010 cho đến nay, bà Văn Thị L khởi kiện yêu cầu bà phải bồi thường thiệt hại về hoa lợi phát sinh từ năm 2010 đến năm 2016 với số tiền 14.400.000 đồng (mỗi năm 15 gia lúa) thì bà không đồng ý vì ông H, bà L nợ Ngân hàng mới bán đất cho bà, bà phải bỏ tiền cải tạo đất mới nuôi được tôm, bà không đồng ý bồi thường.

Bà đồng ý cho gia đình ông Phan Văn H, bà Văn Thị L chuộc lại đất theo giá của Hội đồng định giá, trong đó bao gồm cả tiền cải tạo đất và cống nước với tổng giá trị là 141.687.800 đồng; bà không đồng ý cho gia đình bà L chuộc lại với giá 30.000.000 đồng; bà không đồng ý bồi thường thiệt hại với số tiền 14.400.000 đồng tiền hoa lợi phát sinh từ năm 2010 đến năm 2016. Hiện tại phần đất này bà không còn cho ông Nguyễn Văn Dân thuê nữa, bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

Bà đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu độc lập, đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Phan Văn H, ông Phan Văn C bà đã hiểu rõ, nhưng bà không có yêu cầu độc lập để công nhận giao dịch dân sự.

Bà đồng ý với họa đồ hiện trạng quyền sử dụng đất thửa 129 tờ bản đồ số 08, thị trấn Thanh Phú của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Phú ngày 16/10/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 09/12/2016.

**Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D trình bày:*

Vào tháng 02/2015 ông có mượn của bà Phan Thị C phần đất có diện tích 2070m² loại đất ruộng để trồng lúa lấy rơm cho bò ăn, mỗi năm 15 giạ lúa, khi có yêu cầu của bà C ông đã trả lại phần đất trên. Do ông không được khỏe nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Thanh Phú đem vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 603/2018/HNGĐ-ST ngày 07/11/2018 đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Văn Thị L và ông Phan Văn H.

- Về con chung: Các con chung là Phan Thị T (1980), Phan Văn C (1982), Phan Thị Thu H (1984), Phan Thị Kim P (1986) và Phan Thanh P (1988) đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L về yêu cầu chia phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P về việc yêu cầu chia phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Về nợ chung: Không có.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L, yêu cầu độc lập của các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn H, Phan Văn C với và Phan Thị C là vô hiệu.

- Buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ trả lại phần đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²). (có họa đồ hiện trạng đất kèm theo)

- Buộc ông Phan Văn H, bà Văn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Phan Thị C số tiền 33.493.800 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn tám

trăm đồng): tiền bà C mua đất 30.000.000 đồng, tiền cống nước 793.800 đồng, tiền công đào đắp 2.700.000 đồng.

- Buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Văn Thị L tiền hoa lợi, lợi tức với số tiền 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn).

Việc bà Văn Thị L, ông Phan Văn H cùng với bà Phan Thị C thực hiện việc trả tiền và giao đất diễn ra cùng trong một thời điểm.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L về yêu cầu chia phần đất diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08 (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²) tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre thành 07 phần.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P về yêu cầu chia phần đất có diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08 (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²) tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre thành 07 phần.

Bà Văn Thị L cùng các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P có quyền khởi kiện lại bằng một vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C kháng cáo với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Phan Văn H, Phan Văn C là có hiệu lực pháp luật. Trường hợp giữ nguyên bản án sơ thẩm thì bà yêu cầu phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà là 141.687.800 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị C, sửa bản án sơ thẩm phần xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Văn Thị L và ông Phan Văn H kết hôn với nhau năm 1980, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì ông H cũng đồng ý, do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà là phù hợp. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông bà cũng thống nhất theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy rằng: Vào năm 2010 thì ông Phan Văn H, Phan Văn C có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị C phần đất có diện tích 2070m² loại đất ruộng thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre với giá 30.000.000 đồng. Tuy nhiên hợp đồng không đề ngày tháng, không có công chứng, chứng thực cũng như không có chữ ký của bà L. Theo quy định thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản và phải được công chứng, chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền, hợp đồng chuyển nhượng của ông H, ông C và bà C không tuân thủ đúng theo quy định. Bên cạnh đó, ngày 15/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú đã ra quyết định buộc thực hiện quy định về hình thức của giao dịch, yêu cầu các bên phải thực hiện nhưng các bên đã không thực hiện nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu về hình thức theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do giao dịch dân sự vô hiệu nên các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Theo đó, bà C phải trả lại đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2070m² loại đất ruộng thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do hợp đồng vô hiệu nên xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu như sau: Giá trị đất hiện tại theo hội đồng định giá huyện Thanh Phú là 70.000 đồng/m² x 2028,2m² (diện tích đất thửa 129 qua đo đạc thực tế) = 141.974.000 đồng, như vậy giá trị đất tăng lên so với thời điểm mà ông H chuyển nhượng cho bà L với giá 30.000.000 đồng là: 141.974.000 đồng – 30.000.000 đồng = 111.974.000 đồng. Xét thấy hợp đồng vô hiệu là có lỗi của cả hai bên, do đó mỗi bên phải chịu một nửa số tiền nêu trên là 111.974.000 đồng : 2 = 55.987.000 đồng. Như vậy, ông H, bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C số tiền: 55.987.000 + 30.000.000 + 793.000 = 86.780.000 đồng.

Đối với khoản hoa lợi, lợi tức mà toà sơ thẩm buộc bà C phải trả cho bà L số tiền 7.200.000 đồng xét thấy là không phù hợp, bởi lẽ ông H và bà L là vợ chồng, trong thời gian bà L bỏ đi thì ông H đã nhận tiền từ bà C do đã chuyển nhượng đất cho bà C canh tác. Vì vậy, bà L yêu cầu được nhận lợi tức từ hoa màu mà bà C canh tác là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C.

[4] Điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với phần bản án được sửa. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Phan Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C.

Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 603/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 121, 127, 137, 689 và 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 127 Luật đất đai năm 2003

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 165, Điều 28, Điều 217, 218, 219, 235 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Văn Thị L và ông Phan Văn H.

- Về con chung: Các con chung là Phan Thị T (1980), Phan Văn C (1982), Phan Thị Thu H (1984), Phan Thị Kim P (1986) và Phan Thanh P (1988) đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L về yêu cầu chia phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P về việc yêu cầu chia phần đất có diện tích 575m² loại đất thổ cư thuộc thửa 141, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Về nợ chung: Không có.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L, yêu cầu độc lập của các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn H, Phan Văn C với và Phan Thị C là vô hiệu.

- Buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ trả lại phần đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08, toạ lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre cho hộ ông H, bà L (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²). (có hoạ đồ hiện trạng đất kèm theo)

- Buộc ông Phan Văn H, bà Văn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Phan Thị C số tiền 86.780.000 đồng.

- Bà Phan Thị C không phải trả cho bà Văn Thị L tiền hoa lợi, lợi tức là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn).

Việc bà Văn Thị L, ông Phan Văn H cùng với bà Phan Thị C thực hiện việc trả tiền và giao đất diễn ra cùng trong một thời điểm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị L về yêu cầu chia phần đất diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08 (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²) toạ lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre thành 07 phần.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P về yêu cầu chia phần đất có diện tích 2.070m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 08 (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.082,2m²) toạ lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre thành 07 phần.

Bà Văn Thị L cùng các ông (bà) Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Thu H, Phan Thị Kim P, Phan Thanh P có quyền khởi kiện lại bằng một vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá bà Văn Thị L tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Văn Thị L và ông Phan Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng phí cho bà Phan Thị T theo biên lai thu tiền số 00021494 ngày 08/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

- Bà Phan Thị C không phải chịu 360.000 (ba trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Phan Thị C số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0018687 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương